BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI
(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Quản trị kinh doanh 3 - K12 **Ngành:** Quản trị kinh doanh **Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh							ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3							59				
1	1010090123	Lê Thị Mỹ	Phương	6	8	5	7	6	9	6	6	4	9	7	6	5	7	7	8	6	8	6							6.36		1	4	TB Khá
2	1010090125	Đoàn Yến	Phương	6	9	7	8	8	8	9	7	7	8	6	8	8	8	7	8	8	9	6							7.47				Khá
3	1010090127	Phạm Thị Bích	Phượng	5	10	6	8	8	9	9	8	7	7	6	8	8	8	9	9	7	9	6							7.65				Khá
4	1010090128	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	5	10	5	7	8	8	9	6	7	9	6	8	7	8	8	8	8	9	6							7.28				Khá
5	1010090129	Thái Thị	Quang	7	10	7	8	7	8	9	8	6	10	7	10	7	8	8	8	8	8	7							7.59				Khá
6	1010090130	Nguyễn Hồng	Quang	6	6	6	3	7	4	9	7	4	0	6	7	5	6	6	7	6	7	5							5.84		3	11	TB
7	1010090131	Đỗ Phú	Quang	6	7	6	7	6	7	9	6	5	7	8	8	7	7	6	5	6	9	6							6.53				TB Khá
8	1010090132	Phan Công	Quốc	8	9	8	8	7	9	8	6	5	10	7	6	6	7	7	7	7	9	7							7.06				Khá
9	1010090133	Võ Thị	Quý	7	9	7	8	5	9	8	9	5	9	6	6	5	8	8	7	6	8	6							6.99		1	4	TB Khá
10	1010090134	Trần Kim	Sang	7	9	8	7	6	4	6	5	6	7	5	8	5	7	2	4	6	5	5							5.69		3	11	TB
11	1010090135	Phùng Thị Kim	Sang	7	10	7	9	7	9	9	8	7	6	8	10	9	9	9	8	8	9	6							8.08				Giỏi
12	1010090138	Trần Thị Hồng	Sen	7	7	6	6	5	6	8	5	5	6	6	9	6	6	7	7	6	6	6							6.27				TB Khá
13	1010090139	Nguyễn Thanh	Sơn	5	9	5	7	6	7	7	8	6	6	7	8	6	7	9	8	5	8	6							6.78				TB Khá
14	1010090140	Nguyễn Văn	Sơn	7	9	5	8	6	5	8	6	5	9	7	10	6	6	5	7	6	6	6							6.26		1	4	TB Khá
15	1010090141	Vũ Chí	Tài	7	9	6	7	5	7	9	6	7	9	7	6	6	8	7	6	7	7	6							6.69				TB Khá
16	1010090142	Vương Chí	Tâm	7	9	5	6	6	6	7	6	5	8	7	5	6	7	6	8	6	10	6							6.44				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh							ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3							59				
17	1010090143	Trần Thị Thanh	Tâm	7	10	7	9	5	8	9	7	7	7	8	10	8	8	8	9	8	10	5							7.76				Khá
18	1010090145	Nguyễn Chí	Tâm	6	7	5	6	5	5	6	6	4	7	7	5	6	6	3	6	5	4	6							5.26		3	12	TB
19	1010090146	Phạm Thành	Tâm	7	9	7	6	6	7	9	6	5	7	7	5	5	6	6	7	6	8	6							6.44				TB Khá
20	1010090147	Lê Thanh	Tâm	7	10	7	7	6	7	8	9	6	10	7	6	7	7	8	8	7	9	6							7.11				Khá
21	1010090148	Bùi Thiện	Tân	7	8	8	7	5	6	8	6	5	8	6	5	5	5	6	6	5	6	5							5.95				TB
22	1010090149	Lý Thị	Tha	6	8	6	8	6	6	9	8	6	8	7	6	6	6	8	7	8	8	6							6.71				TB Khá
23	1010090150	Huỳnh Kim	Thạch	6	7	5	5	6	4	8	5	5	7	6	0	0	0	0	0	0	0	4							3.30		10	34	Kém
24	1010090151	Dương Trung	Thái	7	8	5	7	5	9	9	6	6	9	7	10	6	6	6	7	6	8	5							6.70				TB Khá
25	1010090152	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	7	8	5	7	6	6	8	6	6	7	7	5	6	7	6	6	6	7	5							6.16				TB Khá
26	1010090153	Trần Thị Thu	Thắm	7	8	5	7	5	6	8	6	5	8	7	8	6	7	5	5	6	6	6							6.12		1	3	TB Khá
27	1010090154	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	7	9	5	9	6	10	9	8	7	6	7	9	9	8	8	8	8	9	7							7.82				Khá
28	1010090155	Nguyễn Thị	Thân	7	8	6	6	6	9	9	6	6	8	6	7	6	7	9	5	6	9	5							6.81				TB Khá
29	1010090157	Nguyễn Thế	Thanh	6	9	7	9	7	8	8	7	6	5	7	8	8	8	8	7	7	9	6							7.33				Khá
30	1010090158	Phạm Thị Mai	Thảo	6	10	7	8	6	9	9	7	4	8	7	9	7	8	9	8	7	7	6							7.22		1	4	Khá
31	1010090159	Dương Thị Thanh	Thảo	7	9	7	8	6	8	9	8	6	6	6	9	8	8	9	8	7	9	6							7.53				Khá
32	1010090160	Nguyễn Kim	Thảo	8	9	5	8	7	5	8	7	6	7	5	7	5	8	8	9	6	10	6							6.92				TB Khá
33	1010090161	Nguyễn Thị Thu	Thảo	8	10	7	7	6	7	8	9	5	9	5	6	7	8	6	9	6	8	5							6.88				TB Khá
34	1010090162	Mai Huy	Thảo	7	8	5	5	6	6	8	5	5	8	6	10	6	8	8	6	6	8	6							6.53				TB Khá
35	1010090164	Nguyễn Thị Hiếu	Thảo	5	8	6	7	6	5	6	6	4	7	7	6	8	7	7	5	5	7	6							5.96		1	4	TB
36	1010090166	Đỗ Thị Châu	Thiện	5	8	7	7	7	6	8	6	5	6	7	6	7	7	8	6	6	7	6							6.47				TB Khá
37	1010090167	Phạm Hoàng	Thịnh	5	7	5	5	6	4	8	5	5	8	6	6	5	3	2	5	4	5	4							4.84		5	18	Yếu
38	1010090168	Lương Văn	Thịnh	6	8	6	7	4	7	6	6	5	7	6	0	0	0	0	0	0	0	0							3.28		9	29	Kém

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh						ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3							59				
39	1010090169	Lê Thị Mỹ	Tho	6	9	7	7	6	9	8	8	5	6	7	8	5	6	8	8	7	8	6							7.02				Khá
40	1010090170	Đoàn Ngọc	Thơ	7	9	5	8	6	7	8	8	5	9	8	8	7	8	8	8	6	6	6							6.84				TB Khá
41	1010090171	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	5	9	5	7	5	5	7	6	5	6	6	7	5	7	6	7	7	8	6							6.22				TB Khá
42	1010090172	Hồ Huy	Thông	6	8	5	7	5	6	6	6	4	8	7	7	7	5	5	8	6	8	6							6.01		1	4	TB Khá
43	1010090174	Trần Thị Lệ	Thu	7	9	7	8	7	9	9	8	4	6	7	7	7	8	8	7	7	8	6							7.21		1	4	Khá
44	1010090175	Trần Thị Cẩm	Thu	8	8	7	7	7	10	8	9	6	7	7	7	7	8	8	9	8	9	5							7.48				Khá
45	1010090177	Dương Phúc	Thuận	6	10	8	7	7	7	9	8	6	8	7	7	8	8	8	8	7	8	5							7.22				Khá
46	1010090178	Hồ Thị Thanh	Thúy	6	9	5	6	5	7	5	5	7	5	6	5	5	6	6	6	6	7	6							5.94				TB
47	1010090179	Nguyễn Thị Thu	Thủy	7	10	7	8	8	8	7	7	7	6	7	10	8	9	9	9	8	10	6							7.91				Khá
48	1010090180	Lê Nguyễn Mỹ	Tiên	5	9	5	8	6	8	7	8	6	8	8	9	8	7	8	9	6	9	5							7.05				Khá
49	1010090181	Nguyễn Ngọc Bích	Tiên	7	9	5	7	7	8	9	7	6	9	6	9	6	8	6	9	5	8	6							6.97				TB Khá
50	1010090183	Phạm Huỳnh Thủy	Tiên	6	9	5	7	5	8	9	6	5	6	7	9	6	7	7	9	5	6	6							6.59				TB Khá

Tổng danh sách này có:50 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	23	46
Giỏi	1	2.00	Trung bình	6	12
Khá	17	34.00	Yếu kém	3	6

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..../..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo

Người lập bảng